

-

Câu 12: Từ trường tồn tại ở đâu?

- a. Xung quanh nguồn điện.
- b. Xung quanh dòng điện.
- c. Xung quanh dụng cụ dùng điện.
- d. Xung quanh công tắc điện.

Câu 13: Công thức tính công suất tiêu thụ của một dụng cụ điện là:

- a. $P = U \cdot I$
- b. $P = U / I$
- c. $P = I / U$
- d. $P = U \cdot R$

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về vị trí của nam châm khi ở trạng thái tự do?

- a. Cực Bắc của nam châm chỉ hướng Đông địa lí, cực Nam của nam châm chỉ hướng Tây địa lí.
- b. Cực Bắc của nam châm chỉ hướng Tây địa lí, cực Nam của nam châm chỉ hướng Đông địa lí.
- c. Cực Bắc của nam châm chỉ hướng Nam địa lí, cực Nam của nam châm chỉ hướng Bắc địa lí.
- d. Cực Bắc của nam châm chỉ hướng Bắc địa lí, cực Nam của nam châm chỉ hướng Nam địa lí.

Câu 15: Năng lượng của dòng điện gọi là:

- a. Nhiệt năng
- b. Quang năng
- c. Cơ năng
- d. Điện năng

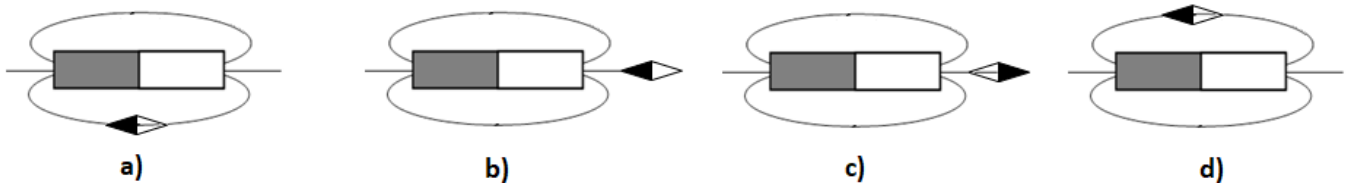
Câu 16: Theo quy ước thì chiều của đường sức từ ở bên ngoài nam châm sẽ:

- a. Đi vào cực Bắc của nam châm.
- b. Đi vào cực Nam của nam châm.
- c. Đi vào cả hai cực của nam châm.
- d. Đi vào một cực bất kì của nam châm.

Câu 17: Theo định luật Joule – Lenz thì nhiệt lượng tỏa ra trên vật dẫn khi có dòng điện đi qua tỉ lệ thuận với đại lượng nào sau đây?

- a. cường độ dòng điện qua vật dẫn
- b. hiệu điện thế của vật dẫn
- c. điện trở của vật dẫn
- d. khối lượng vật dẫn

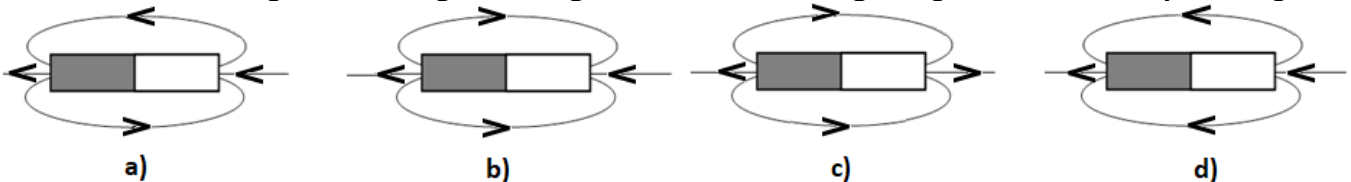
Câu 18: Kim nam châm nào định hướng đúng theo từ trường của thanh nam châm?



Câu 19: Khi máy khoan hoạt động, điện năng chủ yếu đã chuyển hóa thành:

- a. quang năng
- b. nhiệt năng
- c. hóa năng
- d. cơ năng

Câu 20: Chiều đường sức từ trong từ trường của nam châm thẳng trong hình nào sau đây là đúng?



II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

(Học sinh **không** cần vẽ lại hình vào bài làm).

Cho một ống dây có dòng điện chạy qua đặt gần một kim nam châm như hình vẽ.

Hãy cho biết tên các từ cực ở hai đầu A, B của ống dây và tên các từ P, Q của kim nam châm.

Câu 2: (2 điểm)

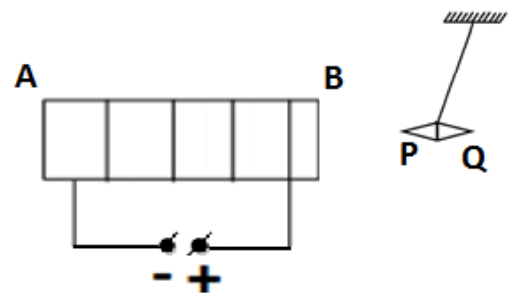
Giữa 2 điểm có hiệu điện thế không đổi 12 V, người ta mắc điện trở $R_1 = 60 \Omega$ song song với điện trở R_2 . Cho biết cường độ dòng điện qua mạch chính là 0,6 A.

- a. Tính điện trở R_2 .
- b. Điện trở R_2 làm bằng dây constantan có điện trở suất là $0,5 \cdot 10^{-6} \Omega m$, có chiều dài 600 cm. Tính tiết diện dây dẫn R_2 này.

Câu 3: (2 điểm)

Một bếp điện có ghi 220 V – 1200 W được mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế 220 V.

- a) Cho biết ý nghĩa các số ghi trên bếp điện. Tính nhiệt lượng tỏa ra mỗi ngày của bếp khi bếp hoạt động bình thường? Biết mỗi ngày bếp được dùng 1,5 giờ.
- b) Tính tiền điện phải trả cho việc sử dụng bếp trong 30 ngày, biết trung bình 1 kWh giá 1800 đồng.



---- HẾT ----

(Học sinh không được sử dụng tài liệu – Giám thị không giải thích gì thêm)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN VĂN ƠN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
Môn: VẬT LÝ – KHỐI 9
Năm học 2023-2024
Ngày kiểm tra: 22/12/2023
Thời gian làm bài: 45 phút
(Không kể thời gian giao, phát đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	a	d	a	c	a	d	c	d	c	a	a	b	a	d	d	b	c	b	d	b

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu	Đáp án gợi ý chấm		Điểm
1	P: cực N		0,25đ
	Q: cực S		0,25đ
	A: cực N		0,25đ
	B: cực S		0,25đ
2	a	Điện trở tương đương của đoạn mạch: $R_{td} = U / I = 12 / 0,6 = 20 \Omega$ Điện trở R_2 : $1/R_2 = 1/R_{td} - 1/R_1 = 1/20 - 1/60 = 2/60 \rightarrow R_2 = 30 \Omega$	0.5đ 0.5đ
	b	Đổi 600 cm = 6 m Tiết diện dây dẫn: $S = p.l / R_2 = 0,5. 10^{-6}. 6 / 30 = 0,1. 10^{-6} m^2$	1.0đ
3	a	+ 220V là HĐT định mức của bếp điện. + 1200W là công suất định mức của bếp điện. → Khi cung cấp cho bếp HĐT là 220V thì nó hoạt động bình thường với công suất tiêu thụ là 1200W. Nhiệt lượng tỏa ra trên bếp là: $Q_{tỏa} = P.t = 1200.5400 = 6480000 (J) = 1,8 KW.h$	0.5đ 0.5đ
	b	Điện năng tiêu thụ của bếp trong 30 này: $A_{30} = A.30 = 1,8.30 = 54 KW.h$ Số tiền phải trả: $54.1800 = 972000$ đồng	0.5đ 0.5đ